TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 22 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Giàng Mí Chớ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Tiến Dũng**

Ông **Nguyễn Công Văn**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Đặng Văn Tình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Quốc Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện , tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST- HS ngày 09 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lệnh Thế T** (Tên gọi khác: Không có tên gọi khác) - sinh ngày 20/11/1990 tại: Thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số CMND/CCCD: 073385026, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 20/02/2009; con ông Lệnh Bình T (sinh năm 1966) và bà Vũ Thị N (sinh năm 1958); bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là: Tẩn Thị H, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/3//2010 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử tuyên phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 08/2010/HSST; ngày 01/12/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử tuyên phạt 20 tháng tù về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tại bản án số 35/2012/HSST (đều đã được xóa án tích). Ngày 06/8/2014, bị Công an huyện Q, tỉnh Hà Giang xử phạt 1.000.000đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, nay đã chấp hành xong, coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2021, đến ngày 22/3/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số: 07/2021/HSST-QĐTG ngày 09/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Bị hại*:

1. Anh **Lầu Xìa P** - Sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Chị **Hầu Thị C** - Sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Anh **Lầu Mí P** - Sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện , tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, không có lý do);

2. Bà **Vàng Thị M** - Sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện , tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

3. Ông **Lầu Pà N** (Tên gọi khác: Không có tên gọi khác) - Sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện , tỉnh Hà Giang (Có mặt);

4. Bà **Vũ Thị N** - Sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn B, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

5. Ông **Lầu Chứ N** - Sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện , tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

6. Chị **Lầu Thị G** - Sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn S, xã S, huyện , tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người phiên dịch: Anh **Vừ Mí C** - Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ X thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 10/3/2021, Lệnh Thế T điều khiển xe mô tô từ nhà lên huyện M tìm mua chim họa mi. Khi đến ngã ba xã L, Thành điều khiển xe đi sang xã S, huyện để tìm mua chim nhưng không mua được. Khoảng 12 giờ 30 phút, T điều khiển xe máy theo hướng đi ra thị trấn , khi đi đến thôn S, xã S, huyện thì nhìn thấy một nhà ở bên trái đường có treo một chiếc lồng chim, T dừng xe cách khoảng 20m rồi bộ đến nơi thì thấy không có chim trong lồng nên T tiếp tục đi bộ theo con đường nhỏ ở phía taluy âm. Khi đi đến nhà anh Lầu Xìa P, thuộc thôn S, xã S, huyện , T gọi nhưng không thấy có ai ở nhà. Thấy cửa không khóa, T mở cửa đi vào trong nhà, khi đi đến buồng ngủ gia đình anh P thì nhìn thấy có một chiếc két sắt để ngay mép cửa bên phải từ ngoài vào. Lúc này, T nghĩ trong két có tiền nên nảy sinh ý định phá két để trộm cắp tài sản. T quay lên tầng hai nhà anh P rồi lấy 02 chiếc đục bằng sắt và một thanh sắt cậy bật cửa két bật ra và nhìn thấy 01 túi dạng vải màu xanh, bên trong có tiền Trung Quốc, phía bên dưới túi một tập tiền Việt Nam có mệnh giá 500.000 đồng và một tập tiền có mệnh giá 100.000 đồng. T lấy 02 tập tiền Việt Nam cho vào

chung túi vải đựng tiền Trung Quốc rồi cầm túi tiền cùng 02 cái đục, 01 thanh sắt ra cửa phụ xuống nhà bếp rồi mở cửa phía sau nhà bếp ra ngoài và trèo lên taluy dương, đi qua trước cửa nhà anh Lầu Pà N cách nhà Lầu Xìa P khoảng 05m thì thấy có một bể nước, T liền ném 02 cái đục và 01 thanh sắt xuống bể nước. Sau đó T đi đến khu vực để xe máy mở cốp xe, cất số tiền vừa trộm được vào trong cốp xe rồi điều khiển xe máy đi về nhà. Khoảng 15 giờ 30 phút, T về đến nhà và mang số tiền trộm được vào trong phòng ngủ đếm thì thấy tiền Trung Quốc trộm được là 54.200 nhân dân tệ (NDT*)* và 20.000.000 đồng (VNĐ). Đếm xong, T bỏ số tiền Trung Quốc vào túi vải xanh mang giấu ở gầm giường, còn số tiền Việt Nam T để vào túi quần trước bên tay phải rồi T đi chơi. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T về nhà và mang số tiền ra đếm thì còn 20.000.000 đồng, T để 13.000.000 đồng là tiền của cá nhân T vào chung với số tiền T đã trộm cắp được của nhà anh P. Sau đó, T lấy 3.000.000 đồng trong tổng số tiền của cá nhân T để chi tiêu cá nhân. Đến ngày 11/3/2021, T mang toàn bộ số tiền trong túi vải xanh ra cất giấu tại khe đá phía sau nhà. Còn số tiền 3.000.000 đồng T mang theo đã mua một cây phong lan của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ.

Sau khi phát hiện chiếc két sắt của gia đình bị kẻ gian cậy phá, lấy trộm tiền, Lầu Xìa P đã có đơn trình báo đến Công an xã S, huyện Đ để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Đến ngày 12/3/2021, Lệnh Thế T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp tài sản với số tiền là 54.200 NDT và 20.000.000 đồng của gia đình anh Lầu Xìa P.

Tại Bản kết luận giám định số: 152/KL-PC09, kết luận: 108 *(một trăm linh tám)* tờ tiền Việt Nam và 710 *(bảy trăm mười)* tờ tiền Trung Quốc gửi giám định đều là tiền thật.

Tại Công văn số: 256/HAG-TH, ngày 19/3/2021 của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Giang về việc cung cấp thông tin tỷ giá giữa đồng Nhân dân Tệ và Việt Nam đồng: Từ ngày 04/3/2021 đến ngày 10/3/2021: 1CNY = 3.582,8 VNĐ, quy đổi: 54.200 CNY x 3.582,8 VNĐ = 194.187.760 VNĐ *(một trăm chín mươi tư triệu một trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi đồng)*.

Tại Kết luận số: 06/KL-HĐĐG, ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp thân màu xanh, cánh cửa màu vàng, kích thước (0,33 cm x 0,35 cm x 0,72 cm), mua năm 2015, có giá trị: 1.050.000 đồng *(một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Ngày 25/6/2021, bị cáo Lệnh Thế T ủy quyền cho anh Đặng Văn T, sinh năm 1986, trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là anh rể của T thực hiện việc bồi thường đối với hành vi phá hỏng chiếc két sắt cho bị hại anh Lầu Xìa P số tiền 2.000.000 đồng.

Hành vi phá hỏng chiếc két sắt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 17/QĐ-XPHC, ngày 05/7/2021, đối với Lệnh Thế Thành với số tiền 3.500.000 đồng đối với hành vi phá hỏng chiếc két sắt nhãn hiệu "VIỆT TIỆP" của bị cáo T. Đến ngày 14/7/2021, Lệnh Thế T đã nộp số tiền 3.500.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển

Nông thôn Chi nhánh huyện Đ theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã phát hiện thu giữ một bọc tiền 286.000.000 đồng tiền Việt Nam gồm các mệnh giá có đặc điểm phù hợp với mệnh giá các tờ tiền của gia đình bị hại Lầu Xìa P mất ngày 10/3/2021 tại bể của anh Lầu Pà N mà T đã vứt 02 chiếc đục và 01 thanh sắt vào ngày 10/3/2021. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành niêm yết thông báo tìm chủ sở hữu số tiền trên theo quy định, tuy nhiên không có ai khác đến nhận ngoài lời khai nhận của bị hại Lầu Xìa P. Căn cứ lời khai về nguồn gốc, đặc điểm mệnh giá tiền, cách thức sắp xếp các cọc tiền của bị hại Lầu Xìa P phù hợp với đặc điểm số tiền 286.000.000 đồng được mở niêm phong ngày 12/4/2021 nên 06/8/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKS trả lại số tiền 286.000.000 VNĐ cho ông Lầu Xìa P, đến ngày 09/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thực hiện việc trao trả cho ông Lầu Xìa P số tiền 286.000.000đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp số tiền 54.200 NDT và 20.000.000 đồng vào ngày 10/3/2021, bị cáo T không thừa nhận đã lấy trộm số tiền 286.000.000 đồng do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ vào ngày 01/4/2021 tại bể nước của gia đình Lầu Pà N. Do vậy, không đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Lệnh Thế T đối với số tiền 286.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà thống nhất với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng; phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận định giá tài sản, Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ và bản ảnh thực nghiệm điều tra; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử trả lại số tiền 54.200 NDT và 20.000.000 đồng tiền Việt Nam; không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số: 13/CT-VKSĐV ngày 09/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Lệnh Thế Tvề tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lệnh Thế T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lệnh Thế T từ 05 năm đến 06 năm tù. Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, đang nuôi con nhỏ nên không đề cập đến hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền 2.000.000đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại ngay cho bị cáo Lệnh Thế T 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 23B1 - 608.86; số tiền 10.000.000

đồng tiền Việt Nam; 01 cây lan do không liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị hại Lầu Xìa P, Hầu Thị C số tiền 54.200 NDT và 20.000.000 đồng tiền Việt Nam. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đen; 01 chiếc quần bò màu xanh; 01 chiếc mũ lưỡi trai; 01 đôi găng tay bằng vải; 01 đôi giày; 01 túi vải *(đã qua sử dụng)*; 01 chiếc két sắt đã bị phá hỏng; 01 cánh cửa két sắt; 01 chiếc đục bạt; 01 chiếc đục; 01 thanh sắt. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì thêm. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Lầu Xìa P, Hầu Thị C nhất trí lời luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, những người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lệnh Thế T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, với bản tính lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 10/3/2021, Lệnh Thế T đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại gia đình anh Lầu Xìa P với số tiền 54.200 nhân dân tệ và 20.000.000 đồng tiền Việt Nam. Tổng giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp sau khi quy đổi sang tiền Việt Nam đồng là **214.187.760 VNĐ** (*hai trăm mười bốn triệu một trăm tám mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*). Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Lệnh Thế T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;"

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú, khai nhận nơi cất giấu tài sản trộm cắp. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Bị cáo đã bị kết án hai lần về tội Trộm cắp tài sản và tội Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nay đã được xóa án tích; bị cáo bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, nay đã chấp hành xong, coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn bị coi là có nhân thân xấu.

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo đã ăn năn hối cải được thể hiện bằng việc bị cáo tự ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản trộm cắp và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự, như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, để cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

[8] Bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định và đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại Lầu Xìa P, Hầu Thị C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Đối với 01 chiếc xe máy BKS: 23B1 - 608.86, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là chiếc xe bị cáo sử dụng để đi lại tìm mua chim họa mi, không nhằm làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản. Sau khi phát hiện bị hại không có nhà bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi trộm cắp xong, bị cáo sử dụng xe để di chuyển về nhà, Hội đồng xét xử xác định đây không phả là công cụ, phương tiện phạm tội. Đối với số tiền 10.000.000 đồng tiền Việt Nam thu giữ của bị cáo, không phải là tiền trộm cắp mà có. Đối với cây lan bị thu giữ trong quá trình điều tra, do bị cáo tinh thần hoảng sợ nên khai nhận là lấy từ số tiền trộm cắp để mua. Tuy nhiên tại phiên tòa, quá trình tranh tụng đã làm rõ, số tiền mua cây lan nêu trên là tiền của bị cáo. Lời khai tại tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản thu giữ và biên bản mở niêm phong đồ vật và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, cần trả lại ngay cho bị cáo Lệnh Thế T các tài sản trên.

[11] Đối với số tiền 54.200 nhân dân tệ và 20.000.000 đồng tiền Việt Nam, Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là số tiền do bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp của các bị hại Lầu Xìa P, Hầu Thị C, do vậy cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lầu Xìa P, chị Hầu Thị C theo quy định.

[12] Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc áo khoác màu đen; 01 chiếc quần bò màu xanh; 01 chiếc mũ lưỡi trai; 01 đôi găng tay bằng vải; 01 đôi giày; 01 túi vải *(đã qua sử dụng)*; 01 chiếc két sắt đã bị phá hỏng; 01 cánh cửa két sắt; 01 chiếc đục bạt; 01 chiếc đục; 01 thanh sắt. Xét thấy các vật chứng nêu trên không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không yêu cầu trả lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy địnhvề mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lệnh Thế T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt: Căn cứ vào khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lệnh Thế T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giữ (ngày 13/3/2021).

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2; các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại ngay cho bị cáo Lệnh Thế T gồm:

+ 01 chiếc xe máy Wave alpha, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen bạc, BKS: 23B1 - 608.86;

+ 10.000.000 đồng tiền Việt Nam;

+ 01 cây lan có đặc điểm gồm 02 thân già, 01 thân non có lá màu xanh, chiều cao 06cm, được trồng trong 01 chiếc giỏ màu đỏ cam làm bằng đất nung, bên ngoài giỏ có ghi dòng chữ "Mắt trâu lưng xanh".

- Trả lại ngay cho các bị hại ông Lầu Xìa P, bà Hầu Thị C các vật chứng sau:

+ 710 tờ tiền Trung Quốc gồm gồm các mệnh giá: 500 tờ mệnh giá 100 NDT, 210 tờ tiền mệnh giá 20 NDT;

+ 20.000.000đồng tiền Việt Nam đồng;

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 chiếc áo khoác màu đen; 01 chiếc quần bò màu xanh; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu xanh da trời; 01 đôi găng tay bằng vải màu trắng; 01 đôi giày màu đen; 01 túi dạng vải màu xanh, trên túi có nhiều chữ màu trắng và có dòng chữ "*Haianh"* màu trắng ở chính giữa túi; 01

chiếc két sắt có nhãn hiệu "VIỆT TIỆP", thân màu xanh, cánh cửa màu vàng, có kích thước (33 x35 x 72)cm; 01 cánh cửa két sắt có kích thước (25,5 x 37)cm, trên cánh cửa có 03 dấu vết hằn, xước lõm; 01 chiếc đục bạt, chiều dài 28cm, chiều rộng lưỡi 6,5cm; 01 chiếc đục, chiều dài 22cm, chiều rộng lưỡi 2cm; 01 thanh sắt xoắn, hình trụ, chiều dài 41cm, đường kính 1,2cm.

Số vật chứng trên đều đã qua sử dụng

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 10/8/2021 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy địnhvề mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lệnh Thế T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tiến Dũng **Nguyễn Công Văn** **Giàng Mí Chớ**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện ;
- CQCSĐT Công an huyện ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện ;
- CQTHAHS Công an huyện;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Chi cục THADS huyện ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

Gng Mí Chớ